TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 17/3/2021.
V/v: *" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN – TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Định.

2. Ông Đỗ Văn Điểu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa: ông Dương Đức Hái – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2019/TLST - DS ngày 09 tháng 12 năm 2019, về việc: " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST- DS ngày 26/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn***:** Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Có mặt.

2.Bị đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng chị Trần Thị V, sinh năm 1979, anh Lê Xuân H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Đều vắng mặt không có lý do.

4.Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2019 và lời trình bày của nguyên đơn chị Đỗ Thị T tại phiên tòa:

Năm 2018, chị Phan Thị L có đến nhà tôi mượn tiền nhiều lần cụ thể: Ngày 29/02/2018 tôi có cho chị L mượn 30.000.000 đồng, tiếp đến ngày 02/3/2018 tôi cho chị L mượn tiếp 20.000.000 đồng, tổng cộng: **50.000.000 đồng**, với lãi suất là 1,5%/ tháng, nhưng không lập giấy tờ gì, chính tôi là người đưa tiền trực tiếp cho chị L, lúc đó có chị Trần Thị V nằm ngoài võng nhà tôi, nhưng chị V không nói gì. Qúa trình thỏa thuận giữa tôi và chị L thống nhất chuyển toàn bộ số tiền trên qua đầu huê và chốt tiền lãi là 3.200.000 đồng, tổng tiền gốc và lãi là 53.200.000 đồng. Nhiều lần tôi hỏi nhưng chị L không trả nợ, nay tôi yêu cầu chị L trả cho tôi số tiền gốc **50.000.000 đồng**, về khoản tiền lãi 3.200.000 đồng, tôi không yêu cầu chị L trả nợ.

- Bị đơn chị Phan Thị L trình bày như sau:

Tôi không mượn tiền của chị T, số tiền 53.200.000 đồng mà chị T yêu cầu là do chị Trần Thị V mượn của chị T, chị V sẽ có nghĩa vụ trả nợ cho chị T, tôi không liên quan gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng chị Trần Thị V, anh Lê Xuân H vắng mặt nhiều lần, không có lời trình bày:

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị G vắng mặt, tại bản tường trình bày 31/12/2019 chị G trình bày: Ngày 13/7/2019 tôi và chị Bùi Thị L, chị Nguyễn Thị L có ở nhà chị Trần Thị V và nghe chị V nói rằng không còn khả năng trả nợ, nên chúng tôi điện thoại cho chị Đỗ Thị T lên nói chuyện thì chị T có điện thoại cho chị Phan Thị L lên nhưng chị V năng nỉ, vì chị L vay tiền dùm cho chị V của chị T là 53.200.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đều thực hiện cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng chị V, anh H vắng mặt nhiều lần là vi phạm điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ cơ sở

để đưa vụ án ra xem xét giải quyết. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét căn cứ các Điều 463, 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị T 50.000.000 đồng,tại phiên tòa chị T không yêu cầu tiền lãi nên đề nghị HĐXX không xem xét. Đối với việc chị L vay tiền dùm cho chị V, nếu có căn cứ chị L có quyền khởi kiện chị V bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị T khởi kiện chị Phan Thị L cư trú tại: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên " Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản ". Đây là tranh chấp dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng chị V, anh H đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, tuy nhiên vợ chồng chị V, anh H đều vắng mặt không có lý do và không có lời trình bày; người làm chứng chị G vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; khoản 2 điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người liên quan và người làm chứng nêu trên.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Năm 2018 chị Đỗ Thị T có cho chị Phan Thị L vay tiền nhiều lần cụ thể:

- Ngày 29/02/2018 cho mượn 30.000.000 đồng.

- Ngày 02/3/2018 cho mượn tiếp 20.000.000 đồng, tổng cộng: **50.000.000 đồng**, với lãi suất là 1,5%/ tháng, không lập giấy tờ gì. Qúa trình thỏa thuận giữa chị T và chị L thống nhất chuyển số tiền gốc 50.000.000 đồng sang chân huê, chốt tiền gốc và lãi là 53.200.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị L trả nợ 50.000.000 đồng tiền gốc, chị T không yêu cầu chị L trả tiền lãi 3.200.000 đồng; Tại phiên tòa hôm nay, chị L không thừa nhận mượn tiền của chị T, và cho rằng số tiền trên là do chị V mượn của chị T, đồng thời chị V đã trả hết nợ cho chị T.

[3]. HĐXX xét thấy tại các biên bản hòa giải ngày 29/4/2019 và biên bản hòa giải ngày 21/4/2020 chị L đều thừa nhận năm 2018 có vay tiền của chị T hai lần 50.000.000 đồng (mục đích là mượn dùm cho chị V), lời khai này là tự nguyện đáng tin cậy, là thể hiện ý chí của chị L, không ai ép buộc, do đó đây là chứng cứ của vụ án theo quy định tại điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó chị T yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Việc chị L nại ra và cho rằng số tiền trên là do chị V mượn

của chị T là chưa có cơ sở kết luận. Bởi lẽ, việc thỏa thuận vay tiền dùm và trả nợ trước đây giữa các bên không lập thành văn bản, và chưa có sự thống nhất chung giữa 3 bên. Mặt khác tại phiên tòa chị T không yêu cầu chị V trả nợ, hơn nữa chị V vắng mặt nhiều lần, không có lời trình bày của chị V. (Do đó việc chị L mượn tiền dùm và đưa tiền cho chị V mượn lại là một quan hệ giao dịch dân sự khác). Nếu có căn cứ, chị L có quyền khởi kiện chị V bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4]. Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị T số tiền gốc 50.000.000 đồng, tại phiên nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 463, 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị Phan Thị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn chị Đỗ Thị T **50.000.000 đồng** (Năm mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn chị L phải chịu **2.500.000** đồng án phí DSST.

Hoàn lại cho nguyên đơn chị T 1.330.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp trước tại biên lai thu tiền số: 011767 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng chị Việt, anh Hiền vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình